

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 5 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Vân

2. Ông Nguyễn Văn Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thái Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị D; sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn Q, xã XG, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T; sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn Q, xã XG, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Anh Hoàng Văn D; sinh năm: 1971; địa chỉ: Thôn Q, xã XG, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị T; sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn Q, xã XG, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo đơn, bản tự khai cũng như trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị D khai chị và anh Hoàng Văn T chung sống như vợ chồng năm 2001, sau đó đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã XG, huyện QB, tỉnh Hà Giang. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống,

không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Hai bên gia đình, các đoàn thể ở địa phương đã hòa giải nhưng mâu thuẫn của hai vợ chồng không giải quyết được. Từ tháng 10 năm 2014 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Chị Hoàng Thị D thấy tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị D đề nghị được ly hôn với anh T. Hai vợ chồng có một con trai chung là cháu Hoàng Ngọc K, sinh ngày 26/12/2001, chị D đề nghị cháu có nguyện vọng ở với bố hay mẹ là tùy cháu, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên chị D không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này.

Bị đơn là anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo Biên bản lấy lời khai của anh T cũng như trình bày của anh T khi hòa giải tại thôn thì hai vợ chồng chung sống từ năm 2001, năm 2004 mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 vợ chồng thống nhất cho chị D đi làm ở xa, kiếm tiền trang trải cuộc sống gia đình, sau đó chị D không quay về nhà nữa, nếu có về thì về nhà mẹ đẻ ở thôn K, xã XG. Từ đó vợ chồng không bao ban được nhau, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Hai bên gia đình cùng khuyên bảo, vợ chồng cũng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014, không còn quan tâm nhau nữa. Nay chị D xin ly hôn thì anh T cũng nhất trí ly hôn. Hai vợ chồng có một con trai chung là cháu Hoàng Ngọc K, sinh ngày 26/12/2001, hiện đang ở với anh T. Khi ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu K, muốn ở với ai thì tùy cháu, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung thì anh T có ý kiến là hai vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Đơn đề nghị của cháu Hoàng Ngọc K, là con của vợ chồng chị D và anh T, thì cháu K trình bày cháu sống phụ thuộc vào bố mẹ, không có tài sản riêng; nếu bố mẹ ly hôn thì cháu K có nguyện vọng được ở với bố và bố là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Theo Biên bản lấy lời khai của những người làm chứng là anh Hoàng Văn D và chị Hoàng Thị T thì những người làm chứng đều khai là có biết vợ chồng chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn nhưng không biết nguyên nhân và thời điểm phát sinh mâu thuẫn; hiện tại chị D và anh T đang sống ly thân, con chung là cháu K ở với bố. Tại buổi hòa giải ở thôn thì chị D có nguyện vọng xin ly hôn với anh T, còn anh T có ý kiến là nhất trí ly hôn với chị D, những buổi hòa giải sau thì anh T không đến. Những người làm chứng không biết được nguyện vọng của cháu K như thế nào khi bố mẹ cháu ly hôn. Những người làm chứng thấy vợ chồng chị D và anh T có một ngôi nhà đất, cột gỗ 3 gian, mái lợp lá cọ; nhưng không biết đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ai.

Ủy ban nhân dân xã XG, huyện QB cung cấp thông tin cho biết theo nội dung hòa giải tại thôn, thì chị Hoàng Thị D cho rằng vợ chồng sống không được hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã nhau nên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không thể khắc phục đoàn tụ được; anh

Hoàng Văn T có ý kiến là hạnh phúc gia đình không thể ép buộc được, nếu chị D vẫn một mực xin ly hôn thì anh T cũng nhất trí.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, phía nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự có liên quan đến mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Hoàng Thị D ly hôn với anh Hoàng Văn T; về con chung thì căn cứ khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét nguyện vọng của cháu Hoàng Ngọc K; về tài sản chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn T chung sống như vợ chồng, sau đó có đăng ký kết hôn nên là kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của nguyên đơn, bị đơn, lời khai của những người làm chứng cũng như thông tin do Ủy ban nhân dân xã XG, huyện QB cung cấp thì Tòa án thấy vợ chồng chị D và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, không thể giải quyết được, đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, hôn nhân giữa chị D và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị D ly hôn anh T.

[2] Về con chung, chị D và anh T có một con trai chung là cháu Hoàng Ngọc K, sinh ngày 26/12/2001, khi hai vợ chồng ly thân thì cháu K ở với bố. Chị D và anh T đều có ý kiến là khi ly hôn, cháu K muốn ở với bố hay mẹ là tùy cháu, không đặt vấn đề cấp dưỡng cho con. Còn cháu K có nguyện vọng được ở với bố và bố là người trực tiếp nuôi cháu. Do đó, Tòa án thấy cần căn cứ các điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Hoàng Ngọc K cho anh T trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị D không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập đến.

[4] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị D ly hôn anh Hoàng Văn T;
- Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi con chung là cháu Hoàng Ngọc K, sinh ngày 26/12/2001, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị Hoàng Thị D không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;
- Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02284 ngày 06/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm;
- Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
- Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mai Hồng

